

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 172/2009/NQ-HĐND

Điện Biên Phủ, ngày 11 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản qui phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số: 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư: 59/2003/TT-BTC ngày 26/3/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 60/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số: 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về Ban hành Qui chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số: 1908/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2010; Quyết định số: 2880/QĐ-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2010;

Sau khi xem xét Báo cáo số: 143/BC-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2009, dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2010; Báo cáo thẩm tra số: 66/BC-KTNS ngày 06/12/2009 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2010, như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

I. Tổng thu ngân sách địa phương:	2.568.294
1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	351.000
Trong đó: Ngân sách địa phương được hưởng	349.400
1.1. Các khoản thu cân đối ngân sách nhà nước	258.600
- Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước:	257.000
- Thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT hàng nhập khẩu	1.600
1.2. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	92.400
2. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	2.202.173
- Bổ sung cân đối ngân sách địa phương	858.174
- Bổ sung để TH tiền lương tối thiểu 450.000đ/tháng, 540.000 đ/tháng	304.470
- Bổ sung có mục tiêu	1.039.529
3. Thu chuyển nguồn năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương.	16.721
II. Tổng chi ngân sách địa phương	2.568.294
1. Chi cân đối ngân sách địa phương	1.780.328
1.1 Chi đầu tư phát triển	124.414
1.2 Chi thường xuyên	1.602.134
1.3 Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư cơ sở hạ tầng	14.000
1.4 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000
1.5 Dự phòng ngân sách	38.780
2. Chi chương trình MTQG, CT 135 và dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	276.493
3. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2010.	419.073
4. Các khoản chi được quản lý qua NSNN	92.400

(Các khoản mục thu, chi như phụ biểu số 01, 02 kèm theo Nghị quyết này).

III. Phân bổ ngân sách địa phương: *(Theo biểu chi tiết 03, 04 kèm theo)*

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, điều hành dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2010 theo Nghị quyết này, đảm bảo đúng chế độ, chính sách và các qui định hiện hành của Nhà nước. Phần đầu tăng thu, thực hành tiết kiệm chi, chống lãng phí, sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều hành ngân sách có vấn đề phát sinh cần giải quyết, giao Thường trực HĐND tỉnh cùng UBND tỉnh xem xét, xử lý và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 9 tháng 12 năm 2009./.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn

Biểu số: 01

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2010*(Kèm theo Nghị quyết số: 172/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh khóa XII)*

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2010
<u>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</u>	<u>351.000</u>
<u>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</u>	<u>258.600</u>
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	257.000
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	12.000
- Thuế GTGT	11.420
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	300
- Thuế tài nguyên	200
- Thuế môn bài	80
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	35.000
- Thuế GTGT	28.050
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.200
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	20
- Thuế tài nguyên	1.600
- Thuế môn bài	130
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	150
- Thuế GTGT	147
- Thuế môn bài	3
4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	118.492
- Thuế GTGT	108.640
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.960

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	80
- Thuế tài nguyên	1.890
- Thuế môn bài	1.527
- Các khoản thu khác ngoài quốc doanh	395
5. Lệ phí trước bạ	21.030
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	300
7. Thuế nhà đất	7.080
8. Thuế thu nhập cá nhân	7.000
9. Thu phí xăng dầu	26.000
10. Thu phí và lệ phí	8.280
11. Thu tiền sử dụng đất	14.500
- Thu cấp quyền sử dụng đất	10.700
- Thu đấu giá đất	3.800
12. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	4.168
13. Thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước	200
14. Thu khác ngân sách	1.500
<i>Trong đó: phần tính cân đối</i>	<i>1.500</i>
15. Thu tại xã	1.300
II. Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu	1.600
Trong đó : + Thuế XK, NK, TTĐB	600
+ Thuế VAT hàng nhập khẩu	1.000
III. Thu viện trợ	
IV. Thu vay để đầu tư XD cơ sở hạ tầng theo khoản 3 điều 8	
V. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính	
B. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	92.400

<i>Trong đó : Thu Xổ số kiến thiết</i>	<i>8.000</i>
<u>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>2.568.294</u>
A. Các khoản thu cân đối ngân sách	2.475.894
- Các khoản thu 100%	64.183
- Thu phân chia theo tỷ lệ %	192.817
- Thu bổ xung từ NSTW	2.202.173
- Chuyển nguồn năm trước sang	16.721
B. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	92.400

Biểu số: 02

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2010*(Kèm theo Nghị quyết số 172/2009/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh khóa XII)*

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN 2010
TỔNG CHI NSDP (A + B + C + D)	2.568.294
<u>A. Chi cân đối NSDP (I+II+III+IV+V)</u>	<u>1.780.328</u>
I. Chi đầu tư phát triển	124.414
1. Chi xây dựng cơ bản tập trung	114.354
a. Vốn trong nước :	114.354
<i>Trong đó: - Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề</i>	<i>19.200</i>
<i>- Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>5.700</i>
b. Vốn nước ngoài	
2. Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu sử dụng đất	9.150
- Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	5.350
- Chi đầu tư từ nguồn đấu giá đất	3.800
3. Chi đầu tư và hỗ trợ các DNNN	910
II. Chi thường xuyên	1.602.134
1. Chi sự nghiệp kinh tế	121.215
- Sự nghiệp Lâm nghiệp	16.703
<i>Trong đó: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất</i>	<i>1.350</i>
- Sự nghiệp Nông nghiệp	34.936
<i>Trong đó: + Vốn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp</i>	<i>13.795</i>
<i>+ C.trình HTNN và PTNT nguồn viện trợ Đan Mạch</i>	<i>6.680</i>
- Sự nghiệp Thủy lợi	5.851

- Sự nghiệp Thủy sản	1.165
<i>Trong đó: + C.trình HTNN và PTNT nguồn viện trợ Đan Mạch</i>	320
<i>+ Vốn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp</i>	105
- Sự nghiệp Giao thông	10.390
- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	15.103
- Sự nghiệp kinh tế khác	37.067
<i>Trong đó: + Chương trình phát triển Kinh tế - Xã hội vùng cao</i>	7.560
<i>+ Chi công tác qui hoạch, quy chủ đất đai</i>	10.000
2. Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	725.412
- Chi SN giáo dục	673.356
- Chi SN đào tạo và dạy nghề	52.056
3. Chi sự nghiệp y tế	267.614
<i>Trong đó: - Khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi</i>	20.567
<i>- Khám chữa bệnh cho người nghèo</i>	143.018
4. Chi Khoa học, công nghệ	5.450
5. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	18.605
<i>Trong đó: Tài trợ chiếu bóng vùng cao</i>	625
6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	11.092
7. Chi sự nghiệp thể dục thể thao	5.777
8. Chi đảm bảo xã hội	26.002
<i>Trong đó: Tăng chi trợ giúp các đối tượng BTXH theo NĐ 67 CP</i>	8.309
9. Chi quản lý hành chính	310.470
- Chi quản lý nhà nước	204.720
<i>Trong đó: Hỗ trợ chi hoạt động đặc thù của HĐND các cấp</i>	7.110

- Chi hoạt động của cơ quan Đảng và các tổ chức Chính trị - XH	103.240
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	2.510
10. Chi an ninh quốc phòng địa phương	25.990
- Giữ gìn an ninh và trật tự an toàn XH	7.840
- Chi quốc phòng địa phương	18.150
11. Chi khác ngân sách.	35.303
<i>Trong đó: + Hỗ trợ thực hiện Chỉ thị 14</i>	<i>15.000</i>
<i>+ Tăng thu dự toán ĐP/DTTW 2010 chưa phân bổ</i>	<i>2.700</i>
12. Chi trợ giá trợ cước	14.246
<i>Trong đó: Hỗ trợ tiền dầu hỏa thấp sáng</i>	<i>3.204</i>
13. Chi sự nghiệp môi trường	15.109
14. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	19.849
III. Chi bổ xung quỹ dự trữ tài chính	1.000
IV. Dự phòng	38.780
V. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư cơ sở hạ tầng	14.000
B. Chi thực hiện CTMT quốc gia, CT 135, DA 5 triệu ha rừng	276.493
1. Chương trình giảm nghèo	3.390
2. Chương trình về việc làm	770
3. Chương trình Dân số-KHH gia đình	4.214
4. Chương trình phòng chống một số bệnh XH, BDNH và HIV/AIDS	9.917
5. Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	18.250
6. Chương trình Văn hoá	4.490
7. Chương trình Giáo dục - Đào tạo	68.100

8. Chương trình phòng chống tội phạm	990
9. Chương trình phòng chống ma túy	5.500
10. Chương trình 135	110.766
11. Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	48.691
12. CT Vệ sinh an toàn thực phẩm	1.415
C. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác	419.073
I. Bổ sung mục tiêu (vốn đầu tư)	378.500
1. Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài	35.000
2. Hỗ trợ triển khai thực hiện Nghị quyết 37	76.000
3. Đầu tư khu kinh tế cửa khẩu	15.000
4. Đầu tư hạ tầng du lịch	10.000
5. Đầu tư thực hiện QĐ 120 của TTCP	12.000
6. ĐT công trình phục vụ quản lý biên giới	14.000
7. Đầu tư y tế tỉnh, huyện	9.000
8. Hỗ trợ vốn đối ứng (ODA)	15.000
9. Đầu tư huyện mới thành lập	12.000
10. Đầu tư trụ sở xã	5.000
11. Dự án hỗ trợ PT các dân tộc thiểu số ít người (dân tộc Si La)	500
12. Dự án tin học quản lý hành chính Nhà nước	1.000
13. Đầu tư phát thanh MN phía Bắc	2.000
14. Hỗ trợ KP ổn định ĐCĐC theo QĐ 33/QĐ-TTg	12.000
15. Chương trình xây dựng Nông thôn mới	7.000
16. Hỗ trợ ĐT theo các Quyết định của lãnh đạo Đảng, Nhà nước	25.000
17. Chương trình bố trí lại dân cư những nơi cần thiết (TH QĐ 193)	4.000

18. Bảo tồn văn hóa và in báo ND (HT trùng tu DTLSDBP)	10.000
19. Hỗ trợ thực hiện Quyết định 160/2007/QĐ-TTg	11.000
20. Chương trình giảm nghèo nhanh bền vững theo Nghị quyết 30a	80.000
21. Hỗ trợ làm nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg	20.000
22. Chương trình bảo vệ và phát triển rừng	3.000
<u>II. Bổ sung mục tiêu (vốn sự nghiệp)</u>	<u>40.573</u>
1. Hỗ trợ trang thiết bị phát sóng truyền thanh, truyền hình	3.200
2. HT hoạt động sáng tạo NT, tác phẩm, báo chí chất lượng cao	255
3. HT kinh phí nghiên cứu khoa học	335
4. Chương trình Quốc gia bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động	285
5. Dự án hỗ trợ PT các dân tộc thiểu số ít người	370
6. Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng T. em lang thang...	380
7. Hỗ trợ KP ổn định ĐCĐC theo QĐ 33/QĐ-TTg	4.000
8. KP thực hiện chương trình bố trí dân cư (theo QĐ 193)	2.500
9. Thực hiện đề án tin học các cơ quan Đảng	264
10. Kinh phí thực hiện Nghị quyết 30a	25.450
11. Hỗ trợ kinh phí bảo vệ cột mốc và an ninh biên giới (QĐ 160)	2.400
12. Kinh phí thực hiện các CT, dự án bằng nguồn vốn nước ngoài	1.134
<u>D. Các khoản chi được quản lý qua NSNN</u>	<u>92.400</u>
1. Chi đầu tư	8.000
2. Chi thường xuyên	84.400

Biểu số: 04

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSDP NĂM 2010 KHỐI HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ*(Kèm theo Nghị quyết số 172 /2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của HĐND tỉnh Điện Biên khóa XII)*

ĐVT: Triệu đồng

S TT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	TP ĐB PHỦ	ĐIỆN BIÊN	TUẦN GIÁO	TỬA CHÙA	MƯỜNG CHÀ	MƯỜNG NHÉ	TX M.LAY	ĐB ĐÔNG ANG	ĐVT: Triệu đồng	
I	<u>TỔNG THU NGÂN SÁCH</u>	<u>1.133.087</u>	<u>116.139</u>	<u>228.196</u>	<u>133.935</u>	<u>98.936</u>	<u>143.380</u>	<u>155.830</u>	<u>33.518</u>	<u>132.938</u>	<u>90.215</u>	
1	Thu NSNN trên địa bàn	160.300	100.800	23.550	7.500	3.500	3.600	6.100	8.000	2.900	4.350	
1.1	Các khoản thu cân đối ngân sách	160.000	100.500	23.550	7.500	3.500	3.600	6.100	8.000	2.900	4.350	
	- Ngân sách cấp huyện hưởng	149.300	91.220	23.050	7.500	3.500	3.400	5.980	8.000	2.900	3.750	
	- Ngân sách cấp tỉnh hưởng	10.700	9.280	500			200	120			600	
2.2	Thu để lại chi quản lý qua NSNN	300	300									
2	Thu bổ sung từ NS tỉnh	977.235	22.768	203.340	125.707	95.338	139.980	149.466	24.501	129.906	86.229	

2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	125.433	1.454	15.713	17.398	15.331	21.174	18.953	890	20.015	14.505
3	Chi TH một số MT, nhiệm vụ khác	85.224		24.041	10.203	7.075	11.409	13.314	2.000	8.107	9.075
4	Các khoản chi được QL qua NSNN	1.760	300		500	50	136	424			350